

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 509 /DKNĐ-TCHC

Nam Định, ngày 31 tháng 05 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 01-06-2018
Số: 13320

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1/ Tên công ty: **Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định**

Mã chứng khoán: **PND**

Địa chỉ trụ sở chính: 115C ngõ Dầu khí – đường Giải Phóng – phường Trường
Thị – TP. Nam Định – tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0350.3863650

Fax: 0350.3864560

Người được ủy quyền công bố thông tin: **Trần Xuân Hạnh**

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
định kỳ

2/ Nội dung công bố thông tin: Công bố thông tin về việc PND lựa chọn, ký hợp đồng
dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán An Việt

- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai
Bà Trưng, Hà Nội.

- Điện thoại: 024.6278 2904

- Fax: 024.6278 2905

- Ngày ký hợp đồng: 30/05/2018

3/ Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
31/05/2018 tại đường dẫn: www.pvoilnamdinh.com.vn. (mục Quan hệ cổ đông).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Xuân Hạnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *08*/2018/HĐ-AVI-TC2

Hà Nội, ngày *05* tháng 05 năm 2018

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

*Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 và
Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định*

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 về Kiểm toán độc lập, có hiệu lực từ ngày 01/01/2012 và Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;

Căn cứ vào thoả thuận đã được thống nhất giữa **Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định** và **Công ty TNHH Kiểm toán An Việt** về việc soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội giữa:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là : **Ông Hoàng Nguyễn Thanh**
Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 0228 3863 650
Fax : 0228 3864 560
Địa chỉ : 115C ngõ Dầu Khí, đường Giải Phóng, Phường Trường Thi,
thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Mã số thuế : 0600759399

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là : **Ông Nguyễn Đức Dương**
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-AVI ngày 02/01/2018)
Điện thoại : 024. 6278 2904
Fax : 024. 6278 2905
Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, phường Bùi Thị Xuân,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tài khoản số : 071 100 024 2909 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam -
Chi nhánh Thanh Xuân
Mã số thuế : 0200511555

Hai bên thống nhất ký hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 bao gồm Bảng Cân đối Kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính cho từng kỳ kiểm toán. Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam

Dịch vụ soát xét của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 của bên A.

Cuộc kiểm toán của Bên A được thực hiện cho mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Bên A .

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

Dịch vụ kiểm toán của Bên B được thực hiện phù hợp các quy định của Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 về Kiểm toán độc lập, có hiệu lực từ ngày 01/01/2012, Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Kiểm toán độc lập và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên A và Bên B

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban lãnh đạo của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng tại Việt Nam;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban lãnh đạo Bên A nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.
- (d) Ban lãnh đạo của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như

tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

- (e) Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng các đơn vị của bên A.
- (f) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.

Trách nhiệm của Bên B:

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không. Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét. Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.
- (b) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan (được quy định tại Điều 2) - gọi chung là «các Chuẩn mực kiểm toán». Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- (c) Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch soát xét và kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét và kiểm toán.
- (d) Bên B thực hiện công việc soát xét và kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ (1) theo yêu cầu của pháp luật và các

- quy định có liên quan, hoặc (2) trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.
- (e) Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện soát xét và kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra kết luận và ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.
 - (f) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
 - (g) Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 4: Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán

Kết thúc công việc, Bên B sẽ phát hành các báo cáo như sau:

- Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018 được lập thành 08 bộ tiếng Việt, Bên A giữ 06 bộ và Bên B giữ 02 bộ.
- Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410.
- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập thành 08 bộ tiếng Việt; Bên A giữ 06 bộ và Bên B giữ 02 bộ.
- Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705, số 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét và kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.
- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến những điểm hạn chế của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của các đơn vị được kiểm toán cùng các gợi ý của kiểm toán viên nhằm giúp Bên A hoàn thiện.

Điều 5: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

1. **Phí dịch vụ được xác định là:** **215.000.000 đồng**
*Bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn.
(Mức phí nói trên không bao gồm thuế GTGT)*
2. **Phương thức thanh toán:**
 - Phí kiểm toán sẽ được Bên A thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B theo tiến độ như sau:

- + Tạm ứng lần 1 là 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi Bên B triển khai công việc soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2018.
- + Thanh toán số phí dịch vụ còn lại trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành việc phát hành các Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính theo thoả thuận tại Hợp đồng này.
- Hồ sơ đề nghị thanh toán của Bên B gồm có: Văn bản (Công văn) đề nghị tạm ứng/thanh toán, hoá đơn GTGT cho lần quyết toán toàn bộ giá trị hợp đồng.

Điều 6: Thời gian thực hiện dịch vụ

Công việc soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính dự kiến tiến hành ngay sau khi các Bên ký hợp đồng và Bên B nhận được các báo cáo tài chính đã được Bên A ký và đóng dấu.

Báo cáo kiểm toán chính thức sẽ được phát hành trong vòng 3 ngày kể từ khi Bên A và Bên B thống nhất về báo cáo dự thảo.

Điều 7: Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gặp khó khăn trở ngại, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà các bên không giải quyết được bằng thương thảo, sẽ được giải quyết theo các quy định của Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam tại toà án kinh tế thành phố Hà Nội.

Điều 8: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu và đảm bảo giá trị thực hiện cho đến khi kết thúc Hợp đồng (thanh lý Hợp đồng, phát hành hoá đơn và thu tiền) hoặc khi có thoả thuận huỷ bỏ Hợp đồng của cả hai Bên.

Đại diện Bên A
**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ
NAM ĐỊNH**

Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

Đại diện Bên B
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
AN VIỆT**

Nguyễn Đức Dương
Phó Tổng Giám đốc